

TIÊU ĐIỂM THÔNG TIN VÀ VIỆC ĐỐI DỊCH NGHĨA CỦA TỪ “ONLY” TRONG TIẾNG ANH VÀ TỪ “CHỈ” TRONG TIẾNG VIỆT

HUỠNH THỊ BÍCH PHƯƠNG*

TÓM TẮT

Trên cơ sở phân tích ví dụ điển hình của câu đơn tiếng Anh có chứa trạng từ “only” theo quan điểm về cấu trúc tiêu điểm của Nomi Erteschik-Shir, bài viết nhằm chỉ ra các phương diện nghĩa của trạng từ này ở góc nhìn ngữ dụng và đối sánh với các yếu tố tương đương trong tiếng Việt.

Từ khóa: tiêu điểm thông tin, dịch nghĩa của từ “chỉ”.

ABSTRACT

Information focus and an English - Vietnamese translation of “only”

In light of the theory of focus structure by Nomi Erteschik-Shir, simple sentences with “only” in English are analyzed pragmatically in this article. Different results of meaning are discussed and compared with those in Vietnamese.

Keywords: information focus, translation of only.

1. Đặt vấn đề

Khi mở rộng tầm quan sát ngôn ngữ trong hành chức, nhất là đối với các diễn ngôn nói thì ngữ cảnh có một vai trò hết sức quan trọng. Thậm chí, ngữ cảnh quyết định nội dung diễn ngôn. Nói cách khác, khi ngữ cảnh thay đổi, nghĩa của diễn ngôn cũng sẽ thay đổi. Quả vậy, nói đến ngữ cảnh là nói đến một tập hợp các đặc điểm trong và ngoài ngôn ngữ, trong đó đáng chú ý là tiêu điểm thông tin.

Hiện nay có nhiều cách định nghĩa tiêu điểm. Tuy nhiên, nhìn chung có thể hình dung nó là phần quan trọng nhất của một thông tin. Xin dẫn ra một vài định nghĩa điển hình: M. A. K. Halliday, E. Selkirk quan niệm: “Tiêu điểm thông tin là một dạng nhấn mạnh”, “...là thành tố được nhấn giọng báo hiệu thông tin mới được đưa vào diễn ngôn” [5]. Hay “tiêu điểm của câu dùng để chỉ thông tin mà người nói và người nghe chưa cùng chia sẻ” [3]. Theo K. Lambrecht thì “tiêu điểm của câu, hay cụ thể hơn, tiêu điểm của một mệnh đề được thể hiện bằng một câu trong một ngữ cảnh phát ngôn cụ thể được coi là thành tố thông tin, nhờ nó mà ta phân biệt được sự khác nhau giữa tiền giả định và thuyết định. Tiêu điểm là phần không được coi là đương nhiên đã biết vào thời điểm nói; trong phát ngôn, nó là yếu tố không thể đoán định được hay không thể khôi phục lại về phương diện ngữ dụng. Tiêu điểm là cái làm cho một phát ngôn trở thành một nhận định” [4]. Còn Nomi Erteschik-Shir thì hình dung: Trong diễn ngôn, **một câu chỉ có một tiêu điểm chính** (main focus) giữ chức năng là thành tố ngữ pháp

* ThS, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; Email: huynhphuong2410@yahoo.com

(syntactic constituent): Có thể là ngữ danh từ (NP), ngữ động từ (VP), hoặc thậm chí là cả câu (S). [6]

Dựa trên quan điểm về tiêu điểm của Nomi Erteschik-Shir, bài viết này xem xét các cách giải thích nghĩa của câu đơn có chứa trạng từ tiếng Anh “only” trong mối quan hệ với tiêu điểm của câu ở góc nhìn ngữ dụng và đối sánh với các yếu tố tương đương trong tiếng Việt.

2. Hãy xem xét ví dụ sau:

(1) John only phoned Mary → John chỉ gọi điện cho Mary

Taglicht cho rằng tiêu điểm của câu trên là thành phần được gạch chân và có ba cách giải thích nghĩa như sau:

a. He took no other action.

→ Anh John không thực hiện hoạt động nào khác

→ Phạm vi tác động của *only* là cụm động từ (VP)

→ Tiêu điểm chính của câu là cụm động từ “phone Mary”

b. He phoned no one else.

→ Anh John không gọi điện thoại cho ai khác ngoài Mary

→ Phạm vi tác động của *only* là cụm danh từ

→ Tiêu điểm chính của câu là danh từ riêng Mary.

c. He did not write to her for example.

→ Anh John không viết thư hay làm một việc gì khác ngoài gọi điện cho Mary.

→ Phạm vi tác động của *only* chính là động từ

→ Tiêu điểm chính của câu là động từ “phone”. [8]

Từ phân tích trên, Taglicht khẳng định có hai loại tiêu điểm: (i) tiêu điểm cú pháp, và (ii) tiêu điểm ngữ dụng. Trong các lời diễn giải cho ví dụ trên, tiêu điểm cú pháp chính là cụm động từ (1a); còn “only” gắn liền với tiêu điểm ngữ dụng ở cả hai trường hợp (1b) và (1c). Trong (1b), tri thức nền của động từ (backgrounding of the verb) giúp người nghe giới hạn tiêu điểm ngữ dụng, còn trong (1c), động từ ở đây chính là tiêu điểm ngữ dụng. Và như vậy, tiêu điểm ngữ dụng cũng xác định ngữ điệu trong câu/ phát ngôn. Thậm chí, ngữ điệu, nhất là ngữ điệu nhấn mạnh, ngữ điệu tương phản sẽ tạo ra tiêu điểm ngữ dụng.

Rooth đưa ra khái niệm hệ p (p- sets) [7]. Đây là tập hợp các yếu tố có thể thay thế trong diễn ngôn. Tập hợp các yếu tố này được xác định bằng cách thay thế thành tố được nhấn mạnh bằng một biến số (variable). Theo đó, trường hợp (1b) ở trên có thể được thể hiện như sau:

(2) John phoned y → John gọi điện cho y

(y là tập hợp những người khác nhau trong từng ngữ cảnh diễn ngôn)

Như vậy, nếu định đề (proposition) của cấu trúc “John phoned y” là đúng thì “John phoned Mary” là một trường hợp cụ thể minh họa cho tiêu đề đã xác định.

Tương tự, có thể giải thích (1c) như sau:

John \updownarrow Mary

Nói rõ hơn, \updownarrow là một tập hợp hạn định dưới sự tác động trực tiếp của “only”. Khả năng xuất hiện của các động từ không phải là quá rộng, cho nên Taglicht có lí khi chọn động từ “write” làm ví dụ.

Trở lại với (1b) và (1c): Cả hai đều có thể là câu trả lời cho câu hỏi sau:

(4) What did John do? \rightarrow John đã làm gì?

Do vậy, cấu trúc tiêu điểm chung cho cả hai trường hợp (1b) và (1c) là:

(5) [John]_{TOP} [only phoned Mary]_{FOC}

Ở đây, _{TOP} là chủ đề hay chủ thể, _{FOC} là tiêu điểm thông tin.

Vì cả hai câu đang xét có chung cấu trúc tiêu điểm nên cũng có nghĩa và ngữ điệu như nhau. Riêng với (1b), cần lưu ý thêm về cách giải thích nghĩa:

(6) John phoned $\left\{ \begin{array}{l} \text{Mary} \\ \text{no one else.} \end{array} \right\}$

Câu chỉ đúng khi định đề “John phoned Mary” và định đề “John phoned nobody else” đúng, đồng thời “thành viên trông” (silent member) của tập hợp {Mary, everyone else} bị loại bỏ hoàn toàn. Ở đây, quan điểm của Taglicht cho rằng cả hai định đề này đều được xác nhận, và Horn (1969) cũng khẳng định rằng định đề *John phoned Mary* là đã biết trước (presupposed) và chỉ có định đề *John phoned nobody else* là được xác nhận.

Dựa trên những tiền đề cơ sở này, **Nomi Erteschik-Shir xác định tất cả những thông tin được biết trước chính là một tập hợp cụ thể theo ngữ cảnh, trong đó *only* giữ vai trò xác định nghĩa.** Do vậy, nhiệm vụ của cấu trúc tiêu điểm (6) được thể hiện (có *only* là yếu tố vận hành chính) như sau:

(7) [John]_{TOP} [ONLY phoned $\left\{ \begin{array}{l} \text{[Mary]}_{\text{FOC}} \\ \text{everyone} \end{array} \right\}]_{\text{FOC}}$]_{TOP}

Tập hợp bao gồm {Mary, everyone else} là chủ đề của cấu trúc tiêu điểm phụ (chúng ta đang nói về *Mary* và có thể là những người khác), trong đó *Mary* là tiêu điểm. *Only* đóng vai trò là yếu tố có tác dụng phủ định những thành viên khác trong tập hợp nhằm làm nổi bật một thành viên tiêu điểm (*Mary*). Với chức năng này, ***only* cũng được xác định là tiêu điểm.**

Trở lại trường hợp câu (1c), có thể áp dụng cấu trúc tiêu điểm phụ để giải thích như sau:

(8) John $\left\{ \begin{array}{l} \text{phoned Mary.} \\ \text{did nothing else (with respect to Mary)} \end{array} \right\}$

Cách giải thích này bắt buộc *only* chỉ vận hành trong tập hợp giới hạn theo ngữ

cảnh phân định: John chỉ gọi Mary, và không làm việc gì khác. Ta xét tiếp ví dụ sau:

(9) John only slept. → John chỉ ngủ (chứ không làm việc gì khác)

Câu trên rõ ràng góp phần minh định vai trò của “only” trong việc giải thích nghĩa. Vì thế, “only” là một tập hợp tương phản được xác định và câu được hiểu nghĩa đúng theo từng ngữ cảnh. Thật ra, ngữ cảnh cũng có thể xác định một hệ thang độ (scaled set).

Trong trường hợp này, có thể hiểu có nhiều cách liên hệ để giao tiếp với Mary như gửi fax, gửi email, hoặc gọi điện thoại... Do vậy, sự xuất hiện *only* nhằm để giới hạn lĩnh vực các hoạt động, đồng thời làm nổi bật hoạt động tiêu điểm.

Như vậy, câu luôn có tiêu điểm chính và tiêu điểm có nhiệm vụ thể hiện thông tin quan trọng của câu. Trên phương diện ngữ dụng, tiêu điểm của câu chính là tiêu điểm ngữ dụng. Vì vậy, thông tin tiêu điểm của câu sẽ được giải mã thành nhiều trường hợp khác nhau tùy theo ngữ cảnh và cả sự tác động của những từ thành tố khác trong câu. Trường hợp câu đơn có chứa *only* là một ví dụ.

3. Trong rất nhiều tài liệu đối dịch, “only” trong tiếng Anh được dịch sang tiếng Việt bằng từ “chỉ”. Tuy nhiên, vấn đề phức tạp hơn rất nhiều chứ không phải là giới hạn ở các từ tương đương theo kiểu một đối một, trên bề mặt diễn ngôn, nhất là trong những trường hợp “only” được sử dụng đi kèm với các hàm ý khác nhau.

3.1. Từ điển tiếng Việt định nghĩa “chỉ” là phụ từ biểu thị phạm vi được hạn định, không có gì, không có ai thêm nữa. Ví dụ:

*Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng.
(Ca dao)*

Ở chiều hướng ngược lại, theo quan sát bước đầu của chúng tôi, tuy không phải tất cả “chỉ” trong tiếng Việt đều được dịch sang tiếng Anh là “only”, nhưng không thể phủ nhận giữa chúng có mối quan hệ rất gần gũi, ngoại trừ trường hợp “chỉ” mang hàm nghĩa nhấn mạnh với tiêu điểm thông tin tương phản.

3.2. Khảo sát việc dịch câu có chứa phụ từ “chỉ” trong tiếng Việt và trạng từ “only” trong tiếng Anh

3.2.1. Dịch Anh - Việt

Khảo sát trên 100 sinh viên Việt Nam ngành Biên phiên dịch và chọn nhiều ngữ cảnh xuất hiện của “only” trong tiếng Anh khác nhau, thế nhưng có đến 82% sinh viên đều dịch đúng, sau đây là một vài ví dụ minh họa:

(i) “I carry your heart with me (I carry it in my heart) i am never without it (anywhere i go you go, my dear; and whatever is done by **only me** is your doing, my darling)...”

(I carry your heart with me - EE Cummings)

→ Anh mang trái tim em theo anh (anh đặt nó trong tim mình) anh chẳng bao giờ rời xa nó (anh đến đâu chính là em đến đấy, em thân thương, và bất cứ việc gì do **chính**

anh làm cũng là em làm đấy, em yêu ạ).

(ii) “He no longer dreamed of storms, nor of women, nor of great occurrences, nor of great fish, nor fights, nor contests of strength, nor of his wife. He **only dreamed of places now and the lions on the beach...**”

(*The Old Man and the Sea* - Ernest Hemingway)

→ Ông không còn mơ về những cơn bão, về đàn bà, về những biển cổ trọng đại, những con cá to tướng, những cuộc chiến, những cuộc đấu sức hay về vợ ông nữa. Ông **chỉ mơ** đến vùng đất hiện tại cùng những con sư tử trên bãi biển...

(iii) “My **only love** sprung from my **only hate...**”

(*Romeo and Juliet* - William Shakespeare)

→ **Tình yêu duy nhất** của tôi nảy nở từ **mối thù duy nhất** trong đời.

Như vậy, tùy theo tương tác ngữ cảnh, “only” được cảm nhận khi thì “chính” (only me), hoặc “chỉ” (only dreamed of), hay “duy nhất” (only love)...

3.2.2. Dịch Việt - Anh

Việc chuyên dịch nghĩa từ Việt sang Anh đối với câu có phụ từ “chỉ” có phần khó khăn. Có nhiều nguyên nhân liên quan đến vấn đề này, trong đó, việc nắm bắt nghĩa, hiểu đúng dụng ý của nội dung ngôn ngữ nguồn, cũng như phát hiện đúng chức năng của phụ từ “chỉ” trong câu tiếng Việt là những cản trở đáng kể.

Vẫn trên số liệu sinh viên và ngữ cảnh khảo sát như ở mục đối dịch Anh - Việt, nhưng kết quả của các diễn ngôn dịch có chứa từ “chỉ” hạn chế hơn nhiều, chỉ có gần 50% sinh viên là dịch được các hàm ý trong diễn ngôn. Sau đây là một vài ví dụ:

(i) **Chỉ lo** cho bản thân

→ Care about yourself only

→ He cares about no one but himself.

(ii) **Chỉ biết ăn**, không biết làm

→ Good-for-nothing

→ He does nothing but eats.

(iii) “Các bà đi vào nhà: Đàn bà **chỉ lòi thôi**, biết gì?”

(*Chí Phèo* - Nam Cao)

→ Get back home! What else you know? Just **only messing** around!

(iv) “Thế thì con **chỉ được hai đồng** đem về ...”

(*Chị Dậu* - Ngô Tất Tố)

→ So you **only got** two cents back?

Với nhiều sắc thái nghĩa khác nhau, các phát ngôn vừa khảo sát bên trên đều gắn liền với các tiêu điểm tương phản:

(i) Chỉ lo cho chính bản thân mình không lo cho ai khác;

(ii) Chỉ biết ăn uống chứ không biết làm gì khác;

(iii) Chỉ gây ra lòi thôi, rắc rối chứ không ích lợi gì;

(iv) Chỉ còn được hai đồng ít ỏi chứ không phải là nhiều.

Và nếu tinh ý một chút, chúng ta thấy, về bản chất, câu (iii) và (iv) rất khác với (i) và (ii). Ở đây, (i) và (ii) có mức độ tương phản cao hơn rất nhiều so với (iii) và (iv). Thậm chí, nếu triệt để có thể xem (iii) và (iv) được xây dựng trên một loại tiêu điểm khác: tiêu điểm ngữ cảnh có tính chất hàm ý và cần thiết phải loại suy, nó khác với tiêu điểm chính nổi rõ trên bề mặt diễn ngôn, và do vậy, bản dịch chứa từ “only” với sự tác động trực tiếp đến các động từ là hợp lí.

4. Như vậy, tiêu điểm thông tin bao gồm nhiều kiểu loại khác nhau, có tầm tác động có khi trên cả câu, trên một bộ phận câu, nhưng có khi đối lập với bộ phận ngoại suy gắn liền với ngữ cảnh ngữ dụng. “Only” trong tiếng Anh, “chỉ” trong tiếng Việt, là những yếu tố tình thái nhấn mạnh thường gắn liền với tiêu điểm thông tin. Tuy vậy, tùy thuộc vào ngữ cảnh cụ thể mà chúng được đảm nhận những chức năng khác nhau. Do vậy, khi đối dịch Anh - Việt hoặc Việt - Anh nói chung, hay “only” - “chỉ” nói riêng, câu cần được xem xét trong tổng thể các tiêu điểm thông tin thì mới có thể diễn đạt hết cái tinh tế trong hai ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng, Quyển 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2010), *Cấu trúc tiêu điểm thông tin trong câu tiếng Việt và tiếng Anh*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM.
3. Jackendoff, Ray., (1972), *Semantic interpretation in generative grammar*, Cambridge, MA: MIT Press.
4. Lambrecht, K., (1994), *Information Structure and Sentence form. A theory of topic, focus, and the mental representations of discourse referents*, *Cambridge Studies in Linguistics*, Cambridge University Press.
5. M. A. K. Halliday (2001), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nomi Erteschik-Shir (1997), *The Dynamics of focus structure*, Cambridge University Press.
7. Rooth, M., (1992), *A Theory of Focus interpretation*, *Natural Language Semantics* 1, 75-116.
8. Taglicht, J., (1984), *Message and Emphasis, On Focus and Scope in English*, *English Language*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-11-2014; ngày phản biện đánh giá: 12-12-2014;
ngày chấp nhận đăng: 20-01-2015)